

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2021

V/v “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Dung

2/ Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2021/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1989

ĐKTT: A tổ 8, khu vực B, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: C Mậu Thân, khu vực 7, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – ông Trần Minh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Hồng N có tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2015, không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nay ông yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trần Minh P (nam), sinh ngày 17/4/2017. Nay ông đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn - bà Nguyễn Hồng N trình bày: Bà và ông T về chung sống cùng nhau từ năm 2015, không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 17/4/2017, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với việc ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì bà không đồng ý, vì hiện tại bà còn thương ông T, muốn con có cả cha lẫn mẹ chăm sóc, sợ dĩ ông T nộp đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà là do ông T đã có người phụ nữ khác.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Về mức cấp dưỡng nuôi con ông đồng ý cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Bị đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày: Thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T do không còn tình cảm và cơ hội hàn gắn, giữ nguyên phần trình bày về con chung, yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Hồng N là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại quận Ninh Kiều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T và bà N tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2015, không tổ chức đám cưới theo phong tục Việt Nam, không đăng lý kết hôn tại chính quyền

địa phương. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do đó “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. Tại phiên tòa, cả hai xác định là không còn tình cảm và không có cơ hội hàn gắn. Do đó, để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về con chung:

Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 17/4/2017, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu P từ trước đến nay luôn sống chung, nhận được sự yêu thương, chăm sóc từ bà N và ông T cũng đồng ý điều này. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tâm sinh lý của cháu, nên việc giao cháu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà N đều xác định không có. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 14, 15, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh T và bà Nguyễn Hồng N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Minh P (nam), sinh ngày 17/4/2017, cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Minh T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của ông T và bà N không có tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 003875 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thì ông T đã nộp đủ tiền án phí.

- Về án phí cấp dưỡng: Ông T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Quốc Sử